Doanh nghiệp đấu giá tư nhân
DƯƠNG CHÂU – LAND
Số: 03.2/2020/TB-ĐGQSDĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Kon Tum, ngày 07 tháng 07 năm 2020

THÔNG BÁO BÁN ĐẤU GIÁ (Đợt 2)

1. Tên tài sản bán đấu giá: Quyền sử dụng đất 97 thửa đất theo Quyết định số 215/QĐ-UBND ngày 11/03/2020 của UBND tỉnh Kon Tum "Quyết định phê duyệt đấu giá Quyền sử dụng đất xây dựng nhà ở tại Dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng khai thác quỹ đất, mở rộng không gian đô thị khu Trung tâm phường Ngô Mây, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum" theo đúng quy định hiện hành, cụ thể như sau:

*** Đơn vị chủ tài sản: Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Kon Tum**

a) Vị trí các thửa đất đấu giá: Tổ 01 phường Ngô Mây, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

b) Tổng diện tích đất đấu giá: 7.250,5 m^2/97 thửa đất.

* Điều kiện xây dựng nhà ở, công trình với chỉ tiêu sử dụng đất *(mật độ xây dựng, hệ số sử dụng đất, chiều cao xây dựng tối đa, tối thiểu)*, chỉ giới xây dựng công trình và các quy định quy hoạch kiến trúc khác: Theo Quyết định số 1344/QĐUBND ngày 24/12/2014 của UBND tỉnh Kon Tum Về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch chi tiết *(tỷ lệ 1/500)* thuộc Dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng khai thác quỹ đất, mở rộng không gian đô thị khu Trung tâm phường Ngô Mây, thành phố Kon Tum.

c) Mục đích, hình thức và thời hạn sử dụng đất:

- Mục đích sử dụng đất: Đất ở đô thị.
- Hình thức giao đất: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất.
- Thời hạn sử dụng: Lâu dài.

d) Giá khởi điểm của tài sản đấu giá: Tổng giá khởi điểm của 97 thửa đất đấu giá: **16.634.576.400 đồng** *(Mười sáu tỷ, sáu trăm ba mươi bốn triệu, năm trăm bảy mươi sáu nghìn, bốn trăm đồng chẵn).*

** Giá trúng đấu giá quyền sử dụng đất chưa bao gồm lệ phí trước bạ và phí địa chính. Khách hàng trúng đấu giá phải nộp các khoản phí, lệ phí theo quy định.*

- **Phí hồ sơ tham gia đấu giá:** Theo điểm a, khoản 2, Điều 3 Thông tư số 48/2017/TT-BTC ngày 15/05/2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ tài chính trong hoạt động đấu giá tài sản.
- **Tiền đặt trước** là số tiền của người tham gia đấu giá phải nộp vào Tài khoản của đơn vị tổ chức đấu giá theo quy định để tham gia đấu giá. Tiền đặt trước phải nộp khi tham gia đấu giá là 20% giá khởi điểm của tài sản đấu giá được UBND tỉnh phê duyệt được làm tròn tăng.
- **Bước giá:** Bước giá của lần trả giá sau so với lần trả giá trước liền kề là 3% giá khởi điểm của tài sản đưa ra bán đấu giá làm tròn tăng.

**** Lưu ý:** Tài sản bán đấu giá chỉ được bán cho người tham gia đấu giá trả giá tối thiểu bằng giá khởi điểm + (cộng) với ít nhất 01 bước giá.*

*** Giá khởi điểm, tiền đặt trước, phí hồ sơ, bước giá từng thửa đất cụ thể chi tiết tại Bảng dưới đây:

STT	Ký hiệu	Thửa đất số	Diện tích (m2)	Giá khởi điểm (đồng)	Phí hồ sơ (đồng)	Tiền đặt trước 20% giá khởi điểm làm tròn tăng (đồng)	Bước giá 3% giá khởi điểm làm tròn tăng (đồng)	Ghi chú
I. Đường Nguyễn Hữu Thọ ***(đoạn từ đường Phan Kế Bính đến hội trường tổ 1)***								
1	d1	4	227,0	1.021.500.000	500.000	205.000.000	31.000.000	
2	d1	1	705,5	3.492.225.000	500.000	699.000.000	105.000.000	Lô góc
Cộng			**932,5**	**4.513.725.000**	**1.000.000**	**904.000.000**		
II. Đường Quy hoạch ***(đường nhựa rộng 14,5m)***								
3	d1	2	107,6	213.048.000	200.000	43.000.000	7.000.000	
4	d1	3	176,4	349.272.000	200.000	70.000.000	11.000.000	
5	d1	9	108,3	214.434.000	200.000	43.000.000	7.000.000	
6	d1	10	104,1	206.118.000	200.000	42.000.000	7.000.000	
7	d1	11	98,6	234.273.600	200.000	47.000.000	8.000.000	Lô góc
8	d2	17	110,1	217.998.000	200.000	44.000.000	7.000.000	
9	d3	33	95,1	188.298.000	100.000	38.000.000	6.000.000	
10	d4	53	90,0	178.200.000	100.000	36.000.000	6.000.000	
11	d7	111	191,6	455.241.600	200.000	92.000.000	14.000.000	Lô góc
12	d7	119	135,4	268.092.000	200.000	54.000.000	9.000.000	
13	d7	120	109,3	216.414.000	200.000	44.000.000	7.000.000	
14	d7	141	114,7	227.106.000	200.000	46.000.000	7.000.000	
15	d7	142	114,8	227.304.000	200.000	46.000.000	7.000.000	
16	d7	143	115,5	228.690.000	200.000	46.000.000	7.000.000	
17	d7	144	115,9	229.482.000	200.000	46.000.000	7.000.000	
18	d7	156	115,4	228.492.000	200.000	46.000.000	7.000.000	
19	d7	155	148,7	294.426.000	200.000	59.000.000	9.000.000	
20	d7	154	152,6	302.148.000	200.000	61.000.000	10.000.000	
21	d7	153	115,7	229.086.000	200.000	46.000.000	7.000.000	
22	d7	177	115,1	227.898.000	200.000	46.000.000	7.000.000	
23	d7	178	115,0	227.700.000	200.000	46.000.000	7.000.000	
24	d7	179	114,7	227.106.000	200.000	46.000.000	7.000.000	
25	d7	180	108,5	214.830.000	200.000	43.000.000	7.000.000	

STT	Ký hiệu	Thửa đất số	Diện tích (m2)	Giá khởi điểm (đồng)	Phí hồ sơ (đồng)	Tiền đặt trước 20% giá khởi điểm làm tròn tăng (đồng)	Bước giá 3% giá khởi điểm làm tròn tăng (đồng)	Ghi chú
26	d7	192	107,9	213.642.000	200.000	43.000.000	7.000.000	
27	d7	191	107,1	212.058.000	200.000	43.000.000	7.000.000	
28	d8	94	138,2	328.363.200	200.000	66.000.000	10.000.000	Lô góc
29	d8	93	135,2	267.696.000	200.000	54.000.000	9.000.000	
30	d8	112	141,8	280.764.000	200.000	57.000.000	9.000.000	
31	d8	118	166,4	329.472.000	200.000	66.000.000	10.000.000	
32	d8	117	148,7	294.426.000	200.000	59.000.000	9.000.000	
33	d8	145	155,1	307.098.000	200.000	62.000.000	10.000.000	
34	d8	146	180,4	357.192.000	200.000	72.000.000	11.000.000	
35	d8	152	177,5	351.450.000	200.000	71.000.000	11.000.000	
Cộng			**4.231,4**	**8.547.818.400**	**6.400.000**	**1.723.000.000**		
III. Đường Lê Đức Thọ ***(đường nhựa rộng 22m)***								
36	d7	211	88,7	190.705.000	100.000	39.000.000	6.000.000	
Cộng			**88,7**	**190.705.000**	**100.000**	**39.000.000**		
IV. Đường Thoại Ngọc Hầu ***(đường nhựa rộng 12,5m)***								
37	d3	48	155,5	307.890.000	200.000	62.000.000	10.000.000	
38	d4	68	128,6	254.628.000	200.000	51.000.000	8.000.000	
39	d6	133	184,4	438.134.400	200.000	88.000.000	14.000.000	Lô góc
40	d6	135	111,7	221.166.000	200.000	45.000.000	7.000.000	
41	d6	136	111,7	221.166.000	200.000	45.000.000	7.000.000	
42	d6	166	111,5	220.770.000	200.000	45.000.000	7.000.000	
43	d6	165	111,1	219.978.000	200.000	44.000.000	7.000.000	
44	d6	164	109,4	216.612.000	200.000	44.000.000	7.000.000	
45	d6	163	110,4	218.592.000	200.000	44.000.000	7.000.000	
46	d6	167	110,6	218.988.000	200.000	44.000.000	7.000.000	
47	d6	168	110,8	219.384.000	200.000	44.000.000	7.000.000	
48	d6	169	110,4	218.592.000	200.000	44.000.000	7.000.000	
49	d6	170	113,8	225.324.000	200.000	46.000.000	7.000.000	
50	d6	171	114,9	227.502.000	200.000	46.000.000	7.000.000	

STT	Ký hiệu	Thửa đất số	Diện tích (m2)	Giá khởi điểm (đồng)	Phí hồ sơ (đồng)	Tiền đặt trước 20% giá khởi điểm làm tròn tăng (đồng)	Bước giá 3% giá khởi điểm làm tròn tăng (đồng)	Ghi chú
51	d6	201	114,8	227.304.000	200.000	46.000.000	7.000.000	
52	d6	200	114,9	227.502.000	200.000	46.000.000	7.000.000	
53	d6	199	115,0	227.700.000	200.000	46.000.000	7.000.000	
54	d6	198	115,2	228.096.000	200.000	46.000.000	7.000.000	
55	d6	202	115,2	228.096.000	200.000	46.000.000	7.000.000	
56	d6	203	115,7	229.086.000	200.000	46.000.000	7.000.000	
57	d6	204	115,7	229.086.000	200.000	46.000.000	7.000.000	
58	d6	205	115,9	229.482.000	200.000	46.000.000	7.000.000	
Cộng			**2.617,2**	**5.255.078.400**	**4.400.000**	**1.060.000.000**		
V. Đường Quy hoạch *(đường nhựa rộng 12,5m) (1)*								
59	d1	5	105,2	197.776.000	100.000	40.000.000	6.000.000	
60	d1	6	119,1	223.908.000	200.000	45.000.000	7.000.000	
61	d1	7	120,1	225.788.000	200.000	46.000.000	7.000.000	
62	d1	8	99,5	187.060.000	100.000	38.000.000	6.000.000	
Cộng			**443,9**	**834.532.000**	**600.000**	**169.000.000**		
VI. Đường Quy hoạch (đường nhựa rộng 12,5m) (2)								
63	d2	21	92,0	172.960.000	100.000	35.000.000	6.000.000	
64	d3	29	90,0	169.200.000	100.000	34.000.000	6.000.000	
Cộng			**182,0**	**342.160.000**	**200.000**	**69.000.000**		
VII. Đường Quy hoạch (đường nhựa rộng 12,5m) (3)								
65	d3	45	154,4	290.272.000	200.000	59.000.000	9.000.000	
Cộng			**154,4**	**290.272.000**	**200.000**	**59.000.000**		
VIII. Đường Quy hoạch (đường nhựa rộng 12,5m) (4)								
66	d4	69	107,7	202.476.000	200.000	41.000.000	7.000.000	
67	d4	71	90,0	169.200.000	100.000	34.000.000	6.000.000	
68	d4	72	90,0	169.200.000	100.000	34.000.000	6.000.000	
69	d4	73	90,0	169.200.000	100.000	34.000.000	6.000.000	
70	d4	74	90,0	169.200.000	100.000	34.000.000	6.000.000	
71	d4	75	90,0	169.200.000	100.000	34.000.000	6.000.000	

STT	Ký hiệu	Thửa đất số	Diện tích (m2)	Giá khởi điểm (đồng)	Phí hồ sơ (đồng)	Tiền đặt trước 20% giá khởi điểm làm tròn tăng (đồng)	Bước giá 3% giá khởi điểm làm tròn tăng (đồng)	Ghi chú
72	d4	76	90,0	169.200.000	100.000	34.000.000	6.000.000	
73	d4	77	90,0	169.200.000	100.000	34.000.000	6.000.000	
74	d4	78	90,0	169.200.000	100.000	34.000.000	6.000.000	
75	d4	79	90,1	169.388.000	100.000	34.000.000	6.000.000	
76	d4	57	90,0	169.200.000	100.000	34.000.000	6.000.000	
77	d9	104	91,4	171.832.000	100.000	35.000.000	6.000.000	
78	d10	98	91,5	172.020.000	100.000	35.000.000	6.000.000	
Cộng			**1.190,7**	**2.238.516.000**	**1.400.000**	**451.000.000**		
IX. Đường Quy hoạch (đường nhựa rộng 12,5m) (5)								
79	d9	109	92,1	173.148.000	100.000	35.000.000	6.000.000	
80	d10	97	90,8	170.704.000	100.000	35.000.000	6.000.000	
81	d7	121	100,2	188.376.000	100.000	38.000.000	6.000.000	
82	d7	122	100,0	188.000.000	100.000	38.000.000	6.000.000	
Cộng			**383,1**	**720.228.000**	**400.000**	**146.000.000**		
X. Đường Quy hoạch (đường nhựa rộng 12,5m) (6)								
83	d6	138	185,5	348.740.000	200.000	70.000.000	11.000.000	
84	d6	162	179,1	336.708.000	200.000	68.000.000	11.000.000	
85	d6	161	177,2	333.136.000	200.000	67.000.000	10.000.000	
86	d6	160	181,3	340.844.000	200.000	69.000.000	11.000.000	
87	d6	172	165,4	310.952.000	200.000	63.000.000	10.000.000	
88	d6	173	164,6	309.448.000	200.000	62.000.000	10.000.000	
89	d6	197	164,5	309.260.000	200.000	62.000.000	10.000.000	
90	d6	196	164,9	310.012.000	200.000	63.000.000	10.000.000	
91	d6	195	165,4	310.952.000	200.000	63.000.000	10.000.000	
92	d6	206	165,7	311.516.000	200.000	63.000.000	10.000.000	
93	d7	193	156,7	294.596.000	200.000	59.000.000	9.000.000	
Cộng			**1.870,3**	**3.516.164.000**	**2.200.000**	**709.000.000**		
XI. Đường Quy hoạch (đường nhựa rộng 12,5m) (7)								

STT	Ký hiệu	Thửa đất số	Diện tích (m2)	Giá khởi điểm (đồng)	Phí hồ sơ (đồng)	Tiền đặt trước 20% giá khởi điểm làm tròn tăng (đồng)	Bước giá 3% giá khởi điểm làm tròn tăng (đồng)	Ghi chú
94	d8	91	128,7	216.216.000	200.000	44.000.000	7.000.000	
95	d8	113	153,3	257.544.000	200.000	52.000.000	8.000.000	
96	d5	90	123,6	207.648.000	200.000	42.000.000	7.000.000	
Cộng			**405,6**	**681.408.000**	**600.000**	**138.000.000**		
XII. Đường Quy hoạch (đường nhựa rộng 12,5m) (8)								
97	d5	87	172,8	290.304.000	200.000	59.000.000	9.000.000	
Cộng			**172,8**	**290.304.000**	**200.000**	**59.000.000**		
Tổng cộng 97 thửa			**7.250,5**	**16.634.576.400**	**9.900.000**	**3.352.000.000**		

* Giá trúng đấu giá QSD đất chưa bao gồm lệ phí trước bạ và phí địa chính. Khách hàng trúng đấu giá phải nộp các khoản phí, lệ phí theo quy định.

2.Hình thức đấu giá: Đấu giá bằng bỏ phiếu gián tiếp.

3. Phương thức đấu giá: Phương thức trả giá lên.

4. Thời Gian:

- Thời gian bán hồ sơ và chốt hồ sơ: Từ ngày có thông báo đến 15h00 ngày 24/07/2020.

- Địa điểm bán hồ sơ:

+ Địa điểm 01: Tại Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Kon Tum - Số 02 đường Phan Đình Phùng, phường Quyết Thắng, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum (Tầng 02 Khách sạn Đăk Bla cũ).

+ Địa điểm 02: Tại Văn phòng Doanh nghiệp đấu giá tư nhân Dương Châu - Land (số 05 Trần Phú, Phường Trường Chinh, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum).

- Địa điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá: Tại Văn phòng Doanh nghiệp đấu giá tư nhân Dương Châu - Land (số 05 Trần Phú, Phường Trường Chinh, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum).

- Thời gian xem trưng bày tài sản: Từ ngày có thông báo đến ngày 24/07/2020 tại vị trí các thửa đất đấu giá, phường Ngô Mây, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

- Thời gian nộp tiền đặt trước: Từ 07 giờ ngày 22/07/2020 đến 15 giờ 00 ngày 24/07/2020. Nộp chuyển khoản: *(Không thu bằng tiền mặt).*

+ Tên tài khoản: Doanh nghiệp đấu giá tư nhân Dương Châu-Land

+ Số TK: 038433690001, Tại: Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt Chi nhánh Kon Tum.

Khách hàng cung cấp chứng từ nộp tiền đặt trước cho Công ty chậm nhất đến 15h00' ngày 24/07/2020.

- Thời gian và địa điểm bán đấu giá: 08h00 ngày 27/07/2020 tại Phòng đấu giá của Doanh nghiệp đấu giá tư nhân Dương Châu - Land (số 05 Trần Phú, Phường Trường Chinh, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum).

**** Điều kiện, cách thức đăng ký tham gia đấu giá:*** *Tổ chức, Cá nhân, hộ gia đình đăng ký tham gia đấu giá thông qua việc nộp hồ sơ tham gia đấu giá hợp lệ và nộp tiền đặt trước theo quy định. Trong trường hợp pháp luật có quy định về điều kiện tham gia đấu giá thì người tham gia đấu giá phải đáp ứng điều kiện đó. Người tham gia đấu giá có thể ủy quyền bằng văn bản cho người khác thay mặt mình tham gia đấu giá.*

Khách hàng quan tâm có nhu cầu tham khảo hồ sơ đấu giá đề nghị liên hệ tại: *Doanh nghiệp đấu giá tư nhân Dương Châu - Land (05 Trần Phú, Phường Trường Chinh, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum. Điện thoại: 0983427783).*

GIÁM ĐỐC

DOANH NGHIỆP ĐẤU GIÁ TƯ NHÂN DƯƠNG CHÂU LAND
S.Đ.K.H.Đ: 05 - D.N
TP.KON TUM - T.KON TUM

GIÁM ĐỐC
Dương Ngọc Vương

Nơi nhận:
- Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh;
- Trang thông tin điện tử Sở TN & MT;
- Trang thông tin điện tử UBND tỉnh;
- Lưu: VT, HS/ĐGTS.